

Số: 227/BVAP

Bình Thuận, ngày 14 tháng 6 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện đa khoa An Phước

Số giấy phép hoạt động: 99/BYT-GPHĐ

Cơ quan cấp: Bộ Y tế, cấp ngày 30 tháng 12 năm 2013.

Địa chỉ: Số 235 Trần Phú, P.Phú Trinh, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Phan Ngọc Hùng

Điện thoại liên hệ: 0252 3831056

Email (nếu có): benhvienanphuocbt@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

- Đối tượng được hướng dẫn thực hành: bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
- Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Phụ lục 1 kèm theo).
- Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): không
- Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: (Phụ lục 2 kèm theo)
- Chi phí hướng dẫn thực hành: (Phụ lục 3 kèm theo)

Bệnh viện đa khoa An Phước cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo bản Công bố: Kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, PKH.



Phan Ngọc Hùng

Bình Thuận, ngày 14 tháng 6 năm 2024

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN PHƯỚC

*(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở
hướng dẫn thực hành số: 227/BVAP ngày 14 tháng 6 năm 2024)*

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

Bệnh viện đa khoa An Phước lập kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe như sau:

I. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung:

Học viên sau quá trình thực hành tại bệnh viện sẽ có kiến thức về Luật khám chữa bệnh; Quy chế bệnh viện; Thực hành thành thạo các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định điều trị, chăm sóc người bệnh, kê đơn thuốc một cách chủ động, an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai:

Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng tại Bệnh viện đa khoa An Phước.

2. Thời gian thực hiện: cả năm

3. Đối tượng: Học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe chưa trải qua thời gian thực hành có nhu cầu thực hành để cấp Giấy phép hành nghề.

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh:

a. Nội dung: (mỗi nội dung 2-4 giờ tín chỉ)

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế tổ chức, quản lý Bệnh viện;

b. Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng

2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng:

2.1 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là bác sỹ Y khoa:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 9 tháng tại các khoa:

+ Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng,

+ Khoa Ngoại tổng hợp: 02 tháng,

+ Khoa Nhi: 02 tháng,

+ Khoa Sản: 02 tháng,

+ Khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng), Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng: 01 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.2 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nội khoa:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội 09 tháng tại khoa Nội tổng hợp và các phòng khám nội của khoa Khám bệnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội

- Danh mục kỹ thuật trong mục II phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.3 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Ngoại khoa:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại 09 tháng tại khoa Ngoại tổng hợp và các phòng khám ngoại của khoa Khám bệnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại

- Danh mục kỹ thuật trong mục IX phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.4 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Sản khoa:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản 09 tháng tại khoa Sản và các phòng khám thai, phụ khoa của khoa Khám bệnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa.

- Danh mục kỹ thuật trong mục XII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.5 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nhi khoa:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi 09 tháng tại khoa Nhi và các phòng khám nhi của khoa Khám bệnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi.
- Danh mục kỹ thuật trong mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Hồi sức cấp cứu:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 12 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc: 09 tháng, khoa Cấp cứu: 03 tháng).

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc.
- Danh mục kỹ thuật trong mục I phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.7 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Gây mê hồi sức:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức 09 tháng tại khoa Phẫu thuật-Gây mê hồi sức.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức.

- Danh mục kỹ thuật trong mục VIII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.8 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh 09 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh.

- Danh mục kỹ thuật trong mục XVI phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.9 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Mắt:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt 09 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng).

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt.

- Danh mục kỹ thuật trong mục XIII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.10 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Răng Hàm Mặt:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt 09 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng).

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.11 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Tai Mũi Họng:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng 09 tháng tại khoa Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng).

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng.
- Danh mục kỹ thuật trong mục XIV phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.12 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Y học cổ truyền:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền 09 tháng tại khoa Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.13 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Y học dự phòng:

a. Địa điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh nội khoa 02 tháng tại khoa Nội tổng hợp.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa 02 tháng tại khoa Ngoại tổng hợp.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh nhi khoa 02 tháng tại khoa Nhi.
- Thực hành 03 tháng tại khoa Khám bệnh.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chức danh bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.14 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Y sỹ đa khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 06 tháng tại các khoa sau:
 - + Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng;
 - + Khoa Ngoại tổng hợp: 01 tháng;
 - + Khoa Nhi: 01 tháng;
 - + Khoa Sản: 01 tháng.
- + Liên chuyên khoa (Mắt + Răng Hàm Mặt + Tai Mũi Họng), Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng: 01 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật phụ lục X – Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh Y sỹ ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.15 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Y sỹ Y học cổ truyền

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 03 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 06 tháng tại khoa Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng:

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XI – Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh Y sỹ Y học cổ truyền ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.16 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Điều dưỡng đa khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng các khoa sau:

- + Khoa Nội tổng hợp: 02 tháng;

- + Khoa Ngoại tổng hợp: 01 tháng;

- + Khoa Nhi: 01 tháng;

- + Khoa Sản: 01 tháng.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục số XII – Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh điều dưỡng ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.17 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hộ sinh:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Sản.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật phụ lục số XIII – Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh hộ sinh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.18 Hướng dẫn thực hành cho Kỹ thuật viên Xét nghiệm y học:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Xét nghiệm.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật trong mục II phụ lục số XIV – Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh kỹ thuật y ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.19 Hướng dẫn thực hành cho Kỹ thuật viên Hình ảnh y học:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu).
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật trong mục I phụ lục số XIV – Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh kỹ thuật y ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.20 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu: 01 tháng tại khoa Hồi sức tích cực và Chống độc hoặc khoa Cấp cứu.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành:

- Danh mục kỹ thuật mục III phụ lục số XIV – Danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh của Người hành nghề chức danh kỹ thuật Y ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người chịu trách nhiệm đào tạo: Giám đốc Bệnh viện

- Chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình đào tạo và kết quả đào tạo tại Bệnh viện (trách nhiệm chung).
- Phê duyệt kế hoạch đào tạo và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Quyết định phân công, chỉ đạo cá nhân hoặc bộ phận làm quản lý đào tạo.
- Xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành trình Lãnh đạo bệnh viện phê duyệt.
- Phối hợp các trưởng/phó khoa/phòng liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể cho khóa đào tạo.
- Điều phối hoạt động đào tạo thực hành.
- Đánh giá mức độ hoàn thành cuối kỳ của học viên.
- Phối hợp với các trưởng khoa đề xuất việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung đào tạo phương thức tổ chức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế, trình Giám đốc phê duyệt.
- Chịu trách nhiệm báo cáo đánh giá kế hoạch đào tạo định kỳ và đột xuất của Bệnh viện.
- Lập danh sách học viên đăng ký thực hành tại Bệnh viện và người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện.
- Thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo mẫu 07 phụ lục I của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

3. Phòng Công nghệ thông tin - Truyền thông

- Đăng tải công khai Kế hoạch hướng dẫn thực hành trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.

4. Các khoa, phòng chịu trách nhiệm đào tạo tại khoa: Các trưởng, phó khoa liên quan.

- Tổ chức đào tạo và đánh giá đào tạo tại khoa.
- Trực tiếp tham gia hướng dẫn cho học viên.
- Đánh giá mức độ hoàn thành của học viên;

5. Nhiệm vụ của học viên

- Tham gia thực hiện đầy đủ thời gian như quy định.
- Nghiêm túc tuân thủ các quy định của Bệnh viện, học tập, thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của người được phân công phụ trách hướng dẫn thực hành.
- Chủ động, tích cực học tập, thực hành theo chương trình đào tạo để đạt các chuẩn năng lực theo quy định.
- Tích cực đưa ý kiến phản hồi để hoàn thiện kỹ năng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Thực hiện theo quy chế của Bệnh viện.



Phan Ngọc Hùng



PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 227/BVAP ngày 14 tháng 6 năm 2024)

STT	Họ và Tên	Văn bằng chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn
I. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nội					
1.	Võ Xuân Lộc	BS.CKI	000294/BTH-CCHN	14/12/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp.
2.	Từ Bá Tâm Phúc	BS.CKI	000208/BTH-CCHN	15/12/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp
3.	Nguyễn Thanh Huy	BS.CKI	001885/BTH-CCHN	05/8/2014	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa. Khám bệnh, chuyên khoa Lão (Theo QĐ số 638/QĐ-SYT, ngày 29/5/2018)
4.	Trần Duy Xuân	BS.CKI	4862/BTH-CCHN	01/7/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng quát. Khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức Nội tim mạch (Theo QĐ số 1058/QĐ-SYT, ngày 30/3/2023)
5.	Ngô Huỳnh Lân	Bác sỹ	5339/BTH-CCHN	03/6/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
6.	Thông Kim Quyên	Bác sỹ	5215/BTH-CCHN	02/03/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
7.	Trần Văn Hùng	BS.CKI	3742/BTH-CCHN	06/08/2017	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa.
8.	Nguyễn Thị Huệ Thiên	Bác sỹ	5365/BTH-CCHN	08/07/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
II. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Ngoại					
9.	Lê Văn Anh	BS.CKII	000736/BTH-CCHN	30/9/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại thần kinh. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại (Theo QĐ số 552/QĐ-SYT, ngày 15/05/2018)
10.	Lê Văn Hà	BS.CKI	000361/BTH-CCHN	14/12/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chấn thương chỉnh hình; Thực hiện các kỹ thuật về phẫu thuật thay khớp (Theo QĐ số 592/QĐ-SYT, ngày 17/5/2018)
11.	Nguyễn Vĩnh Tân	Bác sỹ	5340/BTH-CCHN	03/6/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
12.	Kinh Nhất Siêu	Bác sỹ	5364/BTH-CCHN	08/7/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại.

13.	Nguyễn Tân Vinh	Bác sỹ	5370/BTH-CCHN	08/7/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
14.	Mai Hồng Công	BS.CKI	4771/BTH-CCHN	06/4/2020	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại.

III. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Sản

15.	Phan Ngọc Hùng	BS.CKI	000980/BTH-CCHN	24/12/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản - Kế hoạch hóa gia đình; Ngoại.
16.	Hán Quang Anh Tuấn	BS.CKI	000556/BTH-CCHN	05/3/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản.
17.	Nguyễn Thị Thu	BS.CKI	0002835/BTH-CCHN	02/11/2015	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản - Kế hoạch hóa gia đình.
18.	Phạm Thị Kim Cúc	BS.CKI	000227/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản - Kế hoạch hóa gia đình.
19.	Cao Thị Vĩnh	Bác sỹ	000218/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản - Kế hoạch hóa gia đình.
20.	Phan Hoàng Mẫn Đạt	ThS.BS	4408/BTH-CCHN	21/12/2018	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ Sản
21.	Nguyễn Thị Hương	Bác sỹ	5288/BTH-CCHN	28/04/2021	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Phụ Sản
22.	Nguyễn Thị Ngọc Trãi	Bác sỹ	4796/BTH-CCHN	27/04/2020	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Phụ Sản
23.	Lê Thị Hoa	Bác sỹ	000300/BTH-CCHN	14/12/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phụ sản - Kế hoạch hóa gia đình.

IV. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nhi

24.	Hà Hữu Huy	BS.CKII	000197/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp. Khám bệnh chữa bệnh Chuyên khoa Nhi (Theo QĐ số 1536/QĐ-SYT, ngày 31/12/2014)
25.	Ngô Minh Cường	BS.CKI	000293/BTH-CCHN	14/12/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp. Khám bệnh chữa bệnh Chuyên khoa Nhi (Theo QĐ số 1088/QĐ-SYT, ngày 05/10/2015)
26.	Nguyễn Thị Thuận	BS.CKI	4867/BTHCCHN	01/7/2020	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nhi
27.	Bùi Bích Phương	ThS.BS	004188/QT-CCHN	05/4/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi

V. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Mắt

28.	Lê Ngọc Huy	BS.CKI	000240/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt.
29.	Trần Minh Trí	BS.CKI	3767/BTH-CCHN	10/07/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt

VI. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Tai Mũi Họng

30.	Võ Thanh Hà	BS.CKII	000007/BTH-CCHN	30/08/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng
-----	-------------	---------	-----------------	------------	---

31.	Võ Nhật Quang	ThS.BS	5261/BTH-CCHN	13/04/2021	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng (Theo QĐ số 786/QĐ-SYT ngày 24/6/2021)
VII. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Răng Hàm Mặt					
32.	Võ Hạnh Phúc	BS.CKI	000422/BTH-CCHN	01/04/2017	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, Răng hàm mặt
VIII. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Gây mê hồi sức					
33.	Huỳnh Thị Ngọc Thủy	BS.CKI	000362/BTH-CCHN	14/12/2012	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp; Gây mê hồi sức. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu (Theo QĐ số 1263/QĐ-SYT, ngày 29/09/2017)
34.	Phạm Khắc Khải	Bác sỹ	000200/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Gây mê hồi sức.
35.	Ngô Thị Thùy Hương	BS.CKI	000195/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Gây mê hồi sức. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức tích cực (Theo QĐ số 811/QĐ-SYT, ngày 30/06/2017)
IX. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Hồi sức cấp cứu					
36.	Ngô Thị Thùy Hương	BS.CKI	000195/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Gây mê hồi sức. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức tích cực (Theo QĐ số 811/QĐ-SYT, ngày 30/06/2017)
37.	Huỳnh Thị Ngọc Thủy	BS.CKI	000362/BTH-CCHN	14/12/2012	KB, CB chuyên khoa Nội tổng hợp; Gây mê hồi sức. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu (Theo QĐ số 1263/QĐ-SYT, ngày 29/09/2017)
X. Hướng dẫn thực hành cấp cứu					
38.	Thái Đức Cường	BS.CKI	001871/BTH-CCHN	05/08/2014	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm (Theo QĐ số 30/QĐ-SYT, ngày 16/01/2019)
39.	Mai Văn Sắc	BS.CKI	000363/BTH-CCHN	14/12/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Truyền nhiễm.
40.	Phạm Văn Mười	Bác sỹ	000203/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp. Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tiết; Nội tim mạch (Theo QĐ số 1813/QĐ-SYT, ngày 12/12/2017)
41.	Lê Ngọc Duy	Bác sỹ	0002691/BTH-CCHN	03/08/2015	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa.

42.	Nguyễn Thanh Dũng	Bác sỹ	000191/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp.
XI. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh					
43.	Lê Văn Quốc Huy	BS.CKI	000196/BTH-CCHN	15/11/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh (Theo QĐ số 1535/QĐ-SYT, ngày 31/12/2014)
44.	Nại Thành Lý	BS.CKI	000330/BTH-CCHN	14/12/2012	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng; Chẩn đoán hình ảnh.
45.	Lê Thị Mỹ Hân	BS.CKI	3807/BTH-CCHN	01/08/2017	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
46.	Nguyễn Đồng Trân	BS.CKI	000535/BTH-CCHN	05/03/2013	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp; Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh (Theo QĐ số 635/QĐ-SYT, ngày 29/5/2018)
XII. Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Y học cổ truyền					
47.	Lê Tư	ThS.BS	003299/BTH-CCHN	30/06/2016	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng (Theo QĐ số 519/QĐ-SYT, ngày 19/5/2017)
48.	Trần Thị Ái Linh	Bác sỹ	5254/BTH-CCHN	22/03/2021	Khám bệnh chữa bệnh bằng y học cổ truyền
XIII. Hướng dẫn thực hành Điều dưỡng					
49.	Đỗ Thị Thu Nhi	Điều dưỡng Chuyên khoa I	207/BTH-CCHN	15/11/2012	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa
50.	Nguyễn Hữu Tường Vy	Cử nhân Điều dưỡng	1498/BTH-CCHN	08/05/2014	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa
51.	Nguyễn Văn Bắc	Cử nhân Điều dưỡng	3699/BTH-CCHN	15/05/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
52.	Đỗ Thị Mỹ	Cử nhân Điều dưỡng	5224/BTH-CCHN	22/03/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.

53.	Nguyễn Khắc Duy	Cử nhân Điều dưỡng	5443/BTH-CCHN	20/12/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
54.	Cao Văn Dương	Cử nhân Điều dưỡng	5442/BTH-CCHN	20/12/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
55.	Huỳnh Thu Hà	Cao đẳng Điều dưỡng	4992/BTH-CCHN	30/09/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
56.	Huỳnh Hữu Quốc	Cao đẳng Điều dưỡng	4330/BTH-CCHN	20/08/2018	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
57.	Nguyễn Thị Hồng	Cao đẳng Điều dưỡng	3684/BTH-CCHN	24/04/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
58.	Đặng Thị Mỹ Chi	Cử nhân Điều dưỡng	4700/BTH-CCHN	21/11/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
59.	Trần Mỹ Thuận	Cử nhân Điều dưỡng	4648/BTH-CCHN	24/09/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.

60.	Võ Đức Hương	Cao đẳng Điều dưỡng	4449/BTH-CCHN	21/02/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
61.	Trần Thị Uất Kim Hương	Cử nhân Điều dưỡng	2210/BTH-CCHN	12/09/2014	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
62.	Thái Thị Kim Cúc	Cao đẳng Điều dưỡng	698/BTH-CCHN	30/07/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa
63.	Đào Thị Thu Thiện	Cử nhân Điều dưỡng	705/BTH-CCHN	25/06/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa
64.	Nguyễn Thị Minh Yến	Cao đẳng Điều dưỡng	2979/BTH-CCHN	25/12/2015	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
65.	Đinh Thị Thu Phương	Cao đẳng Điều dưỡng	2293/BTH-CCHN	15/12/2014	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
66.	Lê Trường	Cao đẳng Điều dưỡng	4743/BTH-CCHN	16/01/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
67.	Nguyễn Thị Hiền	Cao đẳng Điều dưỡng	4943/BTH-CCHN	31/08/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
68.	Trần Thị Thắm	Cử nhân Điều dưỡng	4246/BTH-CCHN	14/05/2018	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.

69.	Trịnh Minh Tài	Cao đẳng Điều dưỡng	3700/BTH-CCHN	15/05/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
70.	Nguyễn Trung Tân	Cao đẳng Điều dưỡng	4920/BTH-CCHN	17/08/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
71.	Nguyễn Thị Kim Hoa	Cử nhân Điều dưỡng	5255/BTH-CCHN	22/03/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
72.	Lê Thị Kim Tho	Cử nhân Điều dưỡng	3186/BTH-CCHN	24/02/2016	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y
73.	Nguyễn Thị Thanh Chi	Cử nhân Điều dưỡng	4644/BTH-CCHN	24/09/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
74.	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Cử nhân Điều dưỡng	5221/BTH-CCHN	22/03/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
75.	Lê Đồng Thuận	Cử nhân Điều dưỡng	5223/BTH-CCHN	22/03/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.

76.	Trần An Sơn	Cao đẳng Điều dưỡng	3892/BTH-CCHN	18/08/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
77.	Võ Tấn Ninh	Cao đẳng Điều dưỡng	4968/BTH-CCHN	30/09/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
78.	Đặng Thị Bích Sáng	Cao đẳng Điều dưỡng	3553/BTH-CCHN	02/02/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
79.	Nguyễn Đình Sơn	Cao đẳng Điều dưỡng	4448/BTH-CCHN	21/02/2019	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
80.	Trần Ngọc Trúc Linh	Cao đẳng Điều dưỡng	2829/BTH-CCHN	02/11/2015	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
81.	Nguyễn Duy Vinh	Cử nhân Điều dưỡng CN Gây mê hồi sức	273/BTH-CCHN	15/11/2012	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Gây mê hồi sức
82.	Huỳnh Thị Thúy Diễm	Cử nhân Gây mê hồi sức	695/BTH-CCHN	30/07/2013	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Gây mê hồi sức
83.	Bùi Văn Thương	Cử nhân Điều dưỡng CN Gây mê hồi sức	2238/BTH-CCHN	07/11/2014	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng

84.	Lê Anh Tuấn	Cao đẳng Điều dưỡng	2980/BTH-CCHN	25/12/2015	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
85.	Lê Thị Phúc	Cao đẳng Điều dưỡng	707/BTH-CCHN	30/07/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa
86.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Cử nhân Điều dưỡng	23585/HCM-CCHN	30/10/2014	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
87.	Lương Thị Kim An	Cao đẳng Điều dưỡng	735/BTH-CCHN	30/09/2013	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và một số kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa
88.	Ung Nữ Kim Chi	Cao đẳng Điều dưỡng	5193/BTH-CCHN	02/03/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
89.	Trương Thị Ngọc Tiên	Cao đẳng Điều dưỡng	5192/BTH-CCHN	02/03/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
90.	Nguyễn Phạm Trung Hiếu	Cao đẳng Điều dưỡng	2718/BTH-CCHN	21/08/2015	Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng
91.	Nguyễn Thị Lê	Cử nhân Điều dưỡng	5225/BTH-CCHN	22/03/2021	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
92.	Trần Thị Thanh Thùy	Cử nhân Điều dưỡng	4744/BTH-CCHN	16/01/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.

93.	Ngô Thị Thủy Dung	Cao đẳng Điều dưỡng	4921/BTH-CCHN	17/08/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
-----	-------------------	---------------------	---------------	------------	---

XIV. Hướng dẫn thực hành Hộ sinh

94.	Võ Thị Thanh Kiều	Cử nhân Điều dưỡng CN Hộ sinh	2308/BTH-CCHN	10/02/2015	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh
95.	Tăng Thị Ánh Viên	Cử nhân Điều dưỡng CN Hộ sinh	6340/BTH-CCHN	25/11/2022	Thực hiện PVHĐCM theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
96.	Ngô Thị Hồng Cẩm	Cử nhân Điều dưỡng CN Hộ sinh	6339/BTH-CCHN	25/11/2022	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.
97.	Trần Thị Hiền	Cao đẳng Điều dưỡng phụ sản	306/BTH-CCHN	14/12/2012	Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa sản
98.	Trần Thị Tiên	Cao đẳng hộ sinh	4333/BTH-CCHN	20/08/2018	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ Y Tế, Bộ Nội vụ Quy định Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y./.

XV. Hướng dẫn thực hành Hình ảnh y học

99.	Phạm Hồng Tăng	Cử nhân Kỹ thuật y học	2294/BTH-CCHN	15/12/2014	Thực hiện kỹ thuật chuyên môn về Hình ảnh y học
100.	Võ Nguyễn Hoàng Long	Cử nhân Kỹ thuật y học	4072/TTH-CCHN	29/06/2018	Kỹ thuật viên Hình ảnh y học
101.	Trần Quốc Danh	Cao đẳng Hình ảnh y học	3551/BTH-CCHN	02/02/2017	Kỹ thuật viên Hình ảnh y học

XVI. Hướng dẫn thực hành Xét nghiệm y học

102.	Nguyễn Thị Yên Nhung	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	4699/BTH-CCHN	21/11/2019	Chuyên khoa Xét nghiệm
103.	Phạm Thị Yên Vy	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	2214/BTH-CCHN	12/09/2014	Chuyên khoa Xét nghiệm
104.	Châu Tổng Nhi Khoa	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	4795/BTH-CCHN	27/04/2020	Chuyên khoa Xét nghiệm
105.	Huỳnh Cẩm Sen	Cử nhân Kỹ thuật Xét nghiệm y học	4984/BTH-CCHN	30/09/2020	Chuyên khoa Xét nghiệm

XVII. Hướng dẫn thực hành Phục hồi chức năng

106.	Lê Tư	ThS.BS	003299/BTH-CCHN	30/06/2016	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng (Theo QĐ số 519/QĐ-SYT, ngày 19/5/2017)
107.	Trần Thị Ái Linh	Bác sỹ	5254/BTH-CCHN	22/03/2021	Khám bệnh chữa bệnh bằng y học cổ truyền



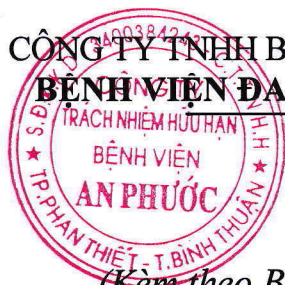
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN AN PHƯỚC
BỆNH VIỆN ĐA KHOA AN PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH
CÓ THỂ TIẾP NHẬN ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 227/BVAP ngày 14 tháng 6 năm 2024)

Stt	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa	10
2.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa	03
3.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	03
4.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa	03
5.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	03
6.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu	02
7.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Gây mê hồi sức	02
8.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh	03
9.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Mắt	02
10.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt	02
11.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Tai Mũi Họng	02
12.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	02
13.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng	02
14.	Y sỹ với phạm vi hành nghề Y sỹ đa khoa	07
15.	Y sỹ với phạm vi hành nghề Y sỹ Y học cổ truyền	03
16.	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa	15
17.	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.	10
18.	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	05
19.	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	05
20.	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng	05



PHỤ LỤC 3

CHI PHÍ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số: 227/BVAP ngày 14 tháng 6 năm 2024)

Stt	Đối tượng thực hành	Chi phí thực hành
1.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
2.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
3.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
4.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
5.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
6.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Hồi sức cấp cứu	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
7.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Gây mê hồi sức	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
8.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Chẩn đoán hình ảnh	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
9.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Mắt	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
10.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
11.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Tai Mũi Họng	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
12.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
13.	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
14.	Y sỹ với phạm vi hành nghề Y sỹ đa khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 9 tháng = 13.500.000đ/1HV

15.	Y sỹ với phạm vi hành nghề Y sỹ Y học cổ truyền	1.500.000đ/tháng/1HV x 9 tháng = 13.500.000đ/1HV
16.	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 9.000.000đ/1HV
17.	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.	1.500.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 9.000.000đ/1HV
18.	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	1.500.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 9.000.000đ/1HV
19.	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	1.500.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 9.000.000đ/1HV
20.	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng	1.500.000đ/tháng/1HV x 6 tháng = 9.000.000đ/1HV